

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/DS-ST
Ngày 15-6- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2015/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B.

Địa chỉ: Số 126/1 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Thới 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Trọng Tùng, sinh năm 1969 – Chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân B, theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2014, (có mặt).

- Bị đơn:

1. Thái Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

2. Thái Hữu N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

3. Ông Thái Văn G, sinh năm 1930 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn G là:

1. Thái Văn S, sinh năm 1964 (vắng mặt);
2. Thái Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt);
3. Thái Hữu N, sinh năm 1977 (vắng mặt);
4. Thái Văn T(Trị), sinh năm 1965 (vắng mặt);
5. Thái Văn P, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

6. Thái Thị Ph, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp Khánh Hòa, xã Khánh Hòa, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

7. Thái Thị Th, sinh năm 1980 (vắng mặt);
8. Thái Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

9. Thái Thị M, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 259B, tổ 13, khu phố 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

10. Thái Văn H, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

11. Thái Thị G(Ngọc Giàu), sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 33, ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Thạnh Trung, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Thái Văn P, sinh năm 1968 (vắng mặt).
2. Thái Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt).
3. Thái Hữu N, sinh năm 1977(vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lần hòa giải đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B là ông Thái Trọng Tùng trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân B và ông Thái Văn G (chết), cùng con là Thái Thị H, Thái Hữu N, có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 257VTT/13/HĐTD ngày 16/7/2013 để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ

ngày 16/7/2013 đến 16/7/2014); lãi suất vay trong hạn là 1,55%; lãi suất quá hạn là 2,325%/tháng; phương thức thanh toán: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi theo quý; mục đích vay là phục vụ đời sống và sản xuất lúa.

Để đảm bảo khoản vay ông Thái Văn G, cùng các con là Thái Thị H, Thái Hữu N đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 037774 (số vào sổ cấp GCN: 00271QSDĐ/IF), diện tích 13.655m², loại đất 2L, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 29/3/1990, do ông Thái Văn G đứng tên sử dụng.

Quá trình vay vốn ông Thái Văn G đã trả lãi được 02 kỳ (từ ngày 16/7/2013 - 13/12/2013) với số tiền 15.810.000 đồng và ngưng đóng lãi đến nay. Ông Thái Văn G và các con Thái Thị H, Thái Hữu N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn. Quỹ tín dụng đã chuyển nợ của ông Thái Văn G và các con Thái Thị H, Thái Hữu N sang nợ quá hạn vào ngày 26/7/2014.

Tính đến ngày 15/6/2018 ông Thái Văn G và các con Thái Thị Hường, Thái Hữu Nghĩa còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Bsố tiền vốn là 200.000.000, lãi trong hạn 21.906.667 đồng, lãi quá hạn 221.650.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 443.556.667 đồng. Nay ông Thái Văn G đã chết Quỹ tín dụng nhân dân Yêu cầu các thừa kế của ông G, gồm: S, H, N, T(Trị), Ph, Ph, T, Đ, M, H, G (Ngọc G) phải có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng số tiền nêu trên và yêu cầu phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 16/6/2018 đến khi trả xong khoản nợ.

Trường hợp bên bị đơn và những người có quyền lợi, liên quan thanh toán hết khoản nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân B sẽ trả lại cho bên bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 037774 (số vào sổ cấp GCN: 00271QSDĐ/IF do Ủy ban nhân dân HUYỆN C cấp ngày 29/3/1990 do ông Thái Văn G đứng tên sử dụng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 27/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2017, về việc phong tỏa quyền sử dụng đất 13.655m², thửa số 455, 475, tờ bản đồ số 7, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A037774 (số vào sổ GCN: 00271QSDĐ/IF) do Ủy ban nhân dân HUYỆN C cấp ngày 29/3/1990 cho ông Thái Văn G đứng tên sử dụng.

Ngoài ra, Quỹ tín dụng không còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Thái Hữu N tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2016 trình bày: Số tiền mà ông G vay của Quỹ tín dụng Bình Đức thì ông và bà H không có nhận, do ông và bà H có tên trong sổ hộ khẩu nên ông và bà H bắt buộc phải ký vào hợp đồng tín dụng, còn toàn bộ số tiền do bà Thái Thị Ph sử dụng, ông có đề nghị bà Ph trả nợ nhưng bà Ph cứ hẹn lần hẹn lữa như vẫn không thanh toán cho Quỹ tín dụng. Tại phiên hòa giải ngày 06/10/2016 ông Nghĩa trình bày: Số nợ này trước đây do cha ông là Thái Văn G vay để cho chị ông xoay sở làm ăn, sau

này cha ông chết, ông cũng thừa nhận số nợ này, chấp nhận trả thay cha. Tuy nhiên, hiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, xin được trả vốn 200.000.000 đồng, xin bỏ lãi, xin trả vốn theo mùa vụ, mỗi một vụ xin trả 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Bị đơn Thái Thị H vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn G là Thái Hữu N, Thái Văn S, Thái Văn P, Thái Thị Th, Thái Văn T (Trị), Thái Văn H, Thái Thị G (Ngọc G), Thái Thị M, Thái Thị Đ, Thái Thị Ph cung cấp cho Tòa án bản tường trình với nội dung: Mẹ của ông bà là Nguyễn Thị C (chết 2007), cha là Thái Văn G (chết năm 2013). Cụ C và cụ G có 11 người con, tất cả đều đã có gia đình ra sống riêng không còn lệ thuộc kinh tế đối với cha mẹ. Việc ông Gia vay tiền của Quỹ tín dụng Bình Đức để làm gì, vay khi nào, bao nhiêu tiền thì các ông bà không biết, vì vậy các ông bà không có nghĩa vụ và quyền lợi đối với số nợ trên nên không ý kiến và không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Quỹ tín dụng nhân dân Bvăn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc những người thừa kế của ông Thái Văn G là N, H, M, Si, T (Trị), Ph, P, T, Đ, H, G (Ngọc G) cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền nợ vốn lãi tính đến ngày 15/6/2018 là 443.556.667 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 16/6/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ. Yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp; duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án. Ngoài ra, còn yêu cầu hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Thái Hữu N, Thái Thị H Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và những người tham gia tố tụng khác có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ngày 16/7/2013 ông Thái Văn G có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân Bđv vay số tiền 200.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, nay ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, Quỹ tín dụng yêu cầu thanh toán nợ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ pháp luật. Nay ông G đã chết, Quỹ tín dụng yêu cầu các thừa kế của ông G phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín

dụng là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận trong phạm vi di sản của ông G để lại. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ông Gia với Quỹ tín dụng nhân dân Bký kết chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục, hợp đồng này đã vô hiệu ngay từ khi xác lập, nên Quỹ tín dụng yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp này là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013 vô hiệu. Đối với yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án và hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013; Báo cáo thẩm định; Giấy đề nghị vay vốn; Bản tường trình của N, S, P, Th, T (Trị), H, G (Ngọc G), M, Đ, P; Giấy ủy quyền số: 03/GUQ ngày 02/3/2014; Dự án xin vay vốn Quỹ tín dụng Bình Đức; Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay; Giấy báo lãi và nợ vay; Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 27/2016/QĐ-BPKCTT ngày 20/12/2016; Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm; Giấy nộp tiền đảm bảo; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 037774; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh; Giấy chứng tử cụ Cấn; Giấy chứng tử cụ Gia; Văn bản cam kết không bỏ sót hàng thừa kế....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn HUYỆN C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 14/7/2017 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì phát hiện diện tích đất 13.655m², thửa số 455, 475, tờ bản đồ số 7, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 037774 (sổ vào sổ cấp GCN: 00271QSDĐ/IF) do Ủy ban nhân dân HUYỆN C cấp ngày 29/3/1990 cho ông Thái Văn G đứng tên, ông Thái Hữu N đã chuyển nhượng cho bà Thái Thị T 1.5 công tằm cắt, hiện bà Thi đang canh tác (chuyển nhượng bằng giấy tay); Nghĩa cổ cho Thái Thị T 02 công tằm cắt; N cổ cho Thái Văn P 6,5 công tằm cắt; phần đất N cổ cho P và T là 8.5 công tằm cắt Nghĩa thuê lại canh tác. Tòa án đã Thông báo số: 106/TB-TA, ngày 13/9/2017 về việc đưa ông P, bà T, ông N vào

tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết chung nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Thông báo này đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng những người được thông báo vẫn không trình bày ý kiến và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề chuyển nhượng, cầm cố hay thuê đất. Do đó, Tòa án không giải quyết chung trong vụ án này mà giành cho các đương sự quyền khởi kiện thành vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Bị đơn ông Thái Hữu N, bà Thái Thị H; người liên quan: Thái Thị T, Thái Hữu N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn G gồm: M, S, T (Trị), Ph, P, T, Đ, H, G (Ngọc G), có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/4/2016 và cam kết không khiếu nại về sau, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 .

Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân B với ông Thái Văn G vào năm 2013 thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Thái Văn G (chết) có ký Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013 với Quỹ tín dụng nhân dân B, ông Thái Hữu N và bà Thái Thị H ký với tư cách người thừa kế, đề vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 16/7/2013 đến 16/7/2014); lãi suất vay trong hạn là 1,55%; lãi suất nợ quá hạn là 2,325%/tháng; phương thức thanh toán: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi theo quý; mục đích vay là phục vụ đời sống và sản xuất lúa.

Từ khi vay đến nay ông Thái Văn G trả được 02 kỳ lãi với số tiền 15.810.000 đồng, rồi ngưng không tiếp tục thanh toán vốn lãi nữa, nên Quỹ tín dụng nhân dân B đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 26/7/2014. Nay ông Gia đã chết Quỹ tín dụng yêu cầu các thừa kế của ông Gia cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vốn lãi tính đến ngày 15/6/2018 là 443.556.667 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16/6/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, Quỹ tín dụng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp và duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án. Ngoài ra, còn yêu cầu hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để Quỹ

tín dụng được nhận lại số tiền 50.000.000 đồng đã bị phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

Xét Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông G với Quỹ tín dụng nhân dân Bđã được ông Nghĩa thừa nhận, cho thấy việc ký kết hợp đồng là có thật và ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Quỹ tín dụng yêu cầu thanh toán vốn, lãi là có căn cứ tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013 mà các bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại các lần hòa giải bị đơn Thái Hữu Nghĩa có xin trả vốn gốc 200.000.000 đồng và trả dần mỗi mùa vụ 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ, tại phiên tòa tuy vắng mặt bị đơn nhưng Hội đồng xét xử có đặt lại vấn đề này nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, do ông Thái Văn G đã chết, Quỹ tín dụng yêu cầu các con của ông Gia phải liên đới cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng. Phía các thừa kế của ông G có bản tường trình không đồng ý thanh toán theo yêu cầu của Quỹ tín dụng và cũng không có văn bản từ chối nhận di sản. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, Điều này có nghĩa là những người được hưởng di sản phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại và họ chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này trong phạm vi di sản mà người chết để lại. Đối chiếu vụ án này thì yêu cầu của Quỹ tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các thừa kế của ông Gia gồm: N, H, M, S, T (Trị), Ph, P, T, Đ, H, G (Ngọc G) cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Bsố tiền vốn lãi tính đến ngày 15/6/2018 là 443.556.667 đồng và phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền vốn gốc 200.000.000 đồng kể từ ngày 16/6/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Và chỉ giới hạn thanh toán vốn, lãi trong phạm vi di sản của người chết (ông Gia) để lại.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013, Hội đồng xét xử nhận định: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất khi tiến hành giao dịch phải đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Quỹ

tín dụng nhân dân Bình Đức và ông Gia ký kết chưa đảm bảo đúng trình tự thủ tục về đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký đất đai quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Hợp đồng này chưa đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định nên đã vô hiệu ngay từ khi xác lập. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án. Xét thấy, Quỹ tín dụng nhân dân Bcó đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đã nộp tiền đảm bảo theo quy định và khởi kiện có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân B, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án.

Quyết định buộc thực biện pháp bảo đảm là để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc người thứ ba trong trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng. Trong vụ án này khởi kiện Quỹ tín dụng nhân dân B là có căn cứ. Do đó, Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo không còn cần thiết, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giải tỏa số tiền 50.000.000 đồng mà Quỹ tín dụng nhân dân B đã nộp vào tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

[3] Về án phí:

Các thừa kế của ông Gia gồm: N, H, M, S, T (Trị), Ph, Ph, T, Đ, H, G (Ngọc G) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cha (ông G – chết) và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật trong phạm vi di sản của người chết để lại.

Với yêu cầu thanh toán nợ được chấp nhận Quỹ tín dụng nhân dân B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp không được chấp nhận Quỹ tín dụng phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 6.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, Quỹ tín dụng nhân dân B được nhận lại 6.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, 615 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận 01 (một) phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Bđối với các thừa kế của ông Thái Văn G (chết) gồm: Thái Hữu N, Thái Thị H, Thái Văn S, Thái Văn T (Trị), Thái Văn P, Thái Thị Ph, Thái Thị T, Thái Thị Đ, Thái Thị M, Thái Văn H, Thái Thị G (Ngọc G).

- Công nhận Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Bvới ông Thái Văn G (chết).

- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 257VTT13/HĐTC ngày 16/7/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Bvới ông Thái Văn G (chết) vô hiệu.

- Buộc Thái Hữu N, Thái Thị H, Thái Văn S, Thái Văn T (Trị), Thái Văn P, Thái Thị Ph, Thái Thị T, Thái Thị Đ, Thái Thị M, Thái Văn H, Thái Thị G (Ngọc G) phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền vốn, lãi là 443.556.667 đồng (trong đó: vốn 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 21.906.667 đồng, lãi quá hạn 221.650.000 đồng). Ngoài ra, còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 200.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 257VTT13/HD ngày 16/7/2013 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 16/6/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ. Và chỉ giới hạn thanh toán vốn, lãi trong phạm vi di sản của người chết (ông Gia) để lại.

- Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Bình Đức trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: A 037774 (số vào sổ cấp GCN: 00271QSDĐ/IF) do Ủy ban nhân dân HUYỆN C cấp ngày 29/3/1990 cho ông Thái Văn G đứng tên sử dụng, cho các thừa kế của ông Gia, gồm: Thái Hữu N, Thái Thị H, Thái Văn S, Thái Văn T (Trị), Thái Văn P, Thái Thị Ph, Thái Thị T, Thái Thị Đ, Thái Thị M, Thái Văn H, Thái Thị G (Ngọc G).

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 27/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2017, về việc phong tỏa quyền sử dụng đất 13.655m², thửa số 455, 475, tờ bản đồ số 7, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A037774 (số vào sổ GCN: 00271QSDĐ/IF) do Ủy ban nhân dân HUYỆN C cấp ngày 29/3/1990 cho ông Thái Văn G đứng tên sử dụng.

- Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 26/2016/QĐ-BPĐB ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C. Quỹ tín dụng nhân dân B được nhận lại 50.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo Giấy nộp tiền ngày 20/12/2016.

2. Về án phí:

Thái Hữu N, Thái Thị H, Thái Văn S, Thái Văn T (Trị), Thái Văn P, Thái Thị Ph, Thái Thị T, Thái Thị Đ, Thái Thị M, Thái Văn H, Thái Thị G (Ngọc G) cùng liên đới chịu 21.742.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân Bphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (do Hợp đồng thế chấp vô hiệu), được khấu trừ vào 6.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, nên Quỹ tín dụng nhân dân Bđược nhận lại số tiền 6.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005253 ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND HUYỆN C;
- Chi cục THADS HUYỆN C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng T

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND HUYỆN C;
- Chi cục THADS HUYỆN C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng T

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi